

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 4 - 2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Lững

Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thái L - sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Khánh Hòa

- Bị đơn: Ông Trần Duy Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã D, tỉnh Khánh Hòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H - sinh năm 1979

Địa chỉ liên lạc: 28 đường 2 tháng 8, xã K, tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị Thái L trình bày:

Bà và ông Trần Duy Q tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K (nay là xã T), tỉnh Khánh Hòa vào năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Về sau cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi nhau. Ông Q đánh đập bà, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2023, sau khi cãi nhau, ông Q đã về nhà mẹ ở xã D sinh sống cho tới nay, không ai quan tâm chăm

sóc nhau. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Q, yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 03 con chung là Cao Trần Ngọc K, sinh ngày 03/9/2009, Cao Trần Quang T, sinh ngày 18/11/2016 và Cao Trần Quang A, sinh ngày 14/9/2019, bà có nguyện vọng nuôi 3 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì ông Q bị tai nạn giao thông hiện nay không có công việc, không có thu nhập, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Các con hiện đang sinh sống cùng với bà, do bà chăm sóc, bà làm thuê mỗi ngày được 250.000 đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội năm 2023 để sửa lại nhà đang ở và hiện nay còn nợ 28.000.000 đồng, bà là người đi vay và là người trả nợ hàng tháng cho ngân hàng, nay ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này thì bà cũng không có ý kiến gì, bà sẽ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng, không yêu cầu ông Q trả nợ, bà cũng chỉ trình bày ý kiến chứ không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bị đơn vắng mặt nhưng tại các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Duy Q trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn ông thống nhất như lời trình bày của bà L. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính cách không hòa hợp, ông về nhà mẹ ruột ở xã D sinh sống với cha mẹ cho đến nay. Nay bà L nộp đơn xin ly hôn với ông, ông đồng ý vì vợ chồng không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Do ông bị tai nạn giao thông, không đi lại được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông, ông không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung: Cao Trần Ngọc K, sinh ngày 03/9/2009, Cao Trần Quang T, sinh ngày 18/11/2016 và Cao Trần Quang A, sinh ngày 14/9/2019. Hiện các con chung đang sinh sống cùng với bà L, do bà L chăm sóc, ông đồng ý giao 03 con chung cho bà L nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con vì ông bị bệnh không có nghề nghiệp nên không có thu nhập. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: Bà L trình bày có vay Ngân hàng chính sách xã hội để sửa nhà, ông không biết gì về số tiền này, hiện ông không có khả năng trả nợ, ông không có yêu cầu gì về số tiền nợ này, bà L vay và tự chịu trách nhiệm trả nợ.

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C là: Ông Nguyễn Minh H vắng mặt nhưng tại các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh H trình bày:

Bà Cao Thị Thái L là đại diện hộ gia đình vay vốn tại phòng G khoản vay thuộc chương trình hộ nghèo, ngày vay: 05/11/2023, mã món vay: 6600000726610846, số tiền vay: 30.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm (hiện nay còn 8,4%/năm theo Quyết định số 2553/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), thời

hạn cho vay: 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng: 05/11/2028. Số tiền còn nợ ngân hàng đến nay là: 28.000.000 đồng (gốc: 28.000.000 đồng, lãi: 0 đồng).

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q. Đối với số tiền nợ trên, bà L trả đúng hạn nên Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Cao Thị Thái L được ly hôn với ông Trần Duy Q. Giao con chung Cao Trần Ngọc K, sinh ngày 03/9/2009, Cao Trần Quang T, sinh ngày 18/11/2016 và Cao Trần Quang A, sinh ngày 14/9/2019 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Q. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử không xét. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Đề nghị miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thái L và ông Trần Duy Q tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã K, huyện K (nay là xã T), tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2010 ngày 12/01/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà Cao Thị Thái L và ông Trần Duy Q đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cho thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung; mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà L và ông Q xác định không còn tình cảm yêu thương nhau, không thể quay về chung sống nhau. Xét tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; ông Q đồng ý ly hôn nhưng ông bị bệnh, không đến Tòa án được; xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L đối với ông Q.

[3] Về con chung: Bà Cao Thị Thái L và ông Trần Duy Q có 03 con chung Cao Trần Ngọc K, sinh ngày 03/9/2009, Cao Trần Quang T, sinh ngày 18/11/2016 và Cao Trần Quang A, sinh ngày 14/9/2019. Quá trình giải quyết vụ

án, bà L và ông Q thống nhất giao 03 con chung cho bà L nuôi dưỡng nên ghi nhận. Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Q.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà L thuộc trường hợp hộ nghèo, có xác nhận của địa phương. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà L. H1 lại cho bà L tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Cao Thị Thái L được ly hôn với ông Trần Duy Q.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Trần Ngọc K, sinh ngày 03/9/2009, Cao Trần Quang T, sinh ngày 18/11/2016 và Cao Trần Quang A, sinh ngày 14/9/2019 cho bà Cao Thị Thái L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Q. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, bà L và ông Q đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Cao Thị Thái L được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000505 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 -Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Tây Khánh Vĩnh (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

đã ký

Trần Thị Tuyết S